

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE
AND RURAL DEVELOPMENT**

Số/No: 13292/NHNo-KDVTT

V/v CBTT Báo cáo kết quả đợt chào bán trái
phiếu ra công chúng và xác nhận số dư

Re: Report on the Results of the Public Offering of Bonds

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
*Independence- Freedom - Happiness***

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2026
Hanoi, August 05, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To: - The State Securities Commission;
- The Vietnam Stock Exchange;
- The Hanoi Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/Name of organization: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM/VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT.

- Mã chứng khoán/Stock Code: VBA

- Địa chỉ/Address: Số 02 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam/No.02 Lang Ha Road, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam.

- Điện thoại/Tel.: (+84-4)37724621

Fax: (+84-4)38313717-38313719

- Email: headoffice@agribank.com.vn

- Website: <http://www.agribank.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) công bố thông tin Báo cáo số 13292/NHNo-KDVTT ngày 04/8/2026 về việc Báo cáo kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2026 đính kèm Giấy xác nhận số dư tài khoản phong tỏa thu được từ đợt chào bán trái phiếu.

Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank) announced Report No 13292/NHNo-KDVTT dated August 04th, 2026 regarding the Results of the Public Offering of Bonds Public Offering of Bonds and Confirmation of the Balance of the Escrow Account for Proceeds from Bonds Public Offering.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Agribank vào ngày 05/8/2026 tại đường dẫn: <https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/cong-bo-thong-tin>.



[Handwritten signature]

This information was published on the company's website on August 05 , 2026, as in the link: <https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law. *luu*

Nơi nhận/Recipients (IOffice);

- Như trên/As regards;
- Hội đồng thành viên/Board of Directors (để b/c/to report);
- Tổng Giám đốc/General Director (để b/c/to report);
- Ban Kiểm soát/Supervisory Board;
- Lưu/Archived: VP, KDVTT. (*Đã MB*) *luu*

**TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
P.P. LEGAL REPRESENTATIVE
DEPUTY GENERAL DIRECTOR** *luu*



Đoàn Ngọc Lưu



Tài liệu đính kèm/Attached documents: Báo cáo số 13292/NHNo-KDVTT ngày 04/8/2026 đính kèm Giấy xác nhận số 1678./ Report No 13292/NHNo-KDVTT dated August 04th, 2026, enclosing Confirmation No.1678.

Số: 13292/NHN-0-KDVT

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng

(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 299/GCN-UBCK do

Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/06/2026)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM.
- Tên viết tắt: AGRIBANK.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 024 37722773 Số fax: 024 38314069
Website: www.agribank.com.vn
- Vốn điều lệ: 51.638.603 triệu đồng (Bằng chữ: Năm mươi một nghìn sáu trăm ba mươi tám tỷ sáu trăm linh ba triệu đồng) (tại thời điểm 30/06/2026 theo BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026).
- Mã cổ phiếu (nếu có): Không có.
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước - Số hiệu tài khoản: 153184.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024.
 - Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng;

STT	Tên ngành
	d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bao thanh toán trong nước.
3	Mở tài khoản cho khách hàng
4	Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7	Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9	Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10	Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11	Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13	Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
18	Lưu ký chứng khoán.

STT	Tên ngành
19	Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
20	Mua nợ.

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

- + Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng cá nhân: tiền gửi; tín dụng; dịch vụ thanh toán; dịch vụ ngân hàng điện tử; thẻ; dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối; dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm – chứng khoán, liên kết khác.
- + Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp: nhóm sản phẩm huy động vốn; tín dụng khách hàng pháp nhân; dịch vụ thanh toán trong nước; thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; mua bán ngoại tệ; thẻ; dịch vụ ngân hàng điện tử; dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ; dịch vụ liên kết khác

9. Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/5/2021, Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Quyết định số 1756/QĐ-QLGS2 ngày 25/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

II. Phương án chào bán

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2026.
2. Loại trái phiếu: Là trái phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.
3. Mã trái phiếu: AGRIBANK263601.
4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng/trái phiếu).
5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 150.000.000 trái phiếu (Một trăm năm mươi triệu trái phiếu).
6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 15.000.000.000.000 đồng (Mười lăm nghìn tỷ đồng).
7. Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng/trái phiếu).
8. Lãi suất: Là lãi suất thả nổi, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất Trái Phiếu} = \text{LSTC} + \text{Biên độ}$$

Trong đó:

- **LSTC:** là lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử

chính thức của bốn (04) NHTM Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank tại ngày xác định lãi suất. Để làm rõ, lãi suất trái phiếu, nếu không phải số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

- Biên độ: **2,0%/năm**.
 - Nếu Agribank không mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại, biên độ = **2,5%/năm** áp dụng trong 05 năm cuối.
 - **Ngày xác định lãi suất:** là ngày Agribank ban hành Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng đối với kỳ tính lãi đầu tiên và Ngày làm việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt đầu tính lãi của mỗi kỳ tính lãi
9. Kỳ hạn trái phiếu: 10 năm (Ngày đáo hạn là ngày tròn 10 (mười) năm kể từ ngày phát hành).
10. Kỳ trả lãi: Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm trả một lần vào “**Ngày Thanh Toán Lãi**” là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành đến ngày đáo hạn Trái phiếu, riêng tiền lãi cho Kỳ Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào ngày đáo hạn. Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi kỳ cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của kỳ đó sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.
11. Phương thức phân phối: Trái Phiếu được bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Agribank trên phạm vi toàn quốc và thông qua Đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank.
12. Thời gian nhận đăng ký mua và nhận tiền mua trái phiếu: Từ ngày 10/07/2026 đến ngày 31/07/2026.
13. Ngày kết thúc đợt chào bán: 31/07/2026.
14. Ngày dự kiến chuyển giao trái phiếu: Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Nhà đầu tư sẽ nhận Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại địa điểm mà nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu.

III. Kết quả chào bán trái phiếu

Đối tượng mua TP	Giá chào bán (đồng/TP)	Số TP chào bán	Số TP đăng ký mua	Số TP được phân phối	Số NĐT đăng ký mua	Số NĐT được phân phối	Số NĐT không được phân phối	Số TP còn lại	Tỷ lệ TP được phân phối
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
1. NĐT trong nước	100.000	150.000.000	146.644.504	146.644.504	42.562	42.562	0	3.271.096	97,76%
2. NĐT nước ngoài, TCKT có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn			84.400	84.400	14	14	0		0,06%

Đối tượng mua TP	Giá chào bán (đồng/TP)	Số TP chào bán	Số TP đăng ký mua	Số TP được phân phối	Số NĐT đăng ký mua	Số NĐT được phân phối	Số NĐT không được phân phối	Số TP còn lại	Tỷ lệ TP được phân phối
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
điều lệ									
Tổng số		150.000.000	146.728.904	146.728.904	42.576	42.576	0	3.271.096	97,82%

Ghi chú: TP: trái phiếu; NĐT: nhà đầu tư; TCKT: tổ chức kinh tế; VDL: vốn điều lệ.

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán trái phiếu

- Tổng số trái phiếu đã phân phối: 146.728.904 trái phiếu, tương đương 97,82% tổng số trái phiếu chào bán.
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 14.672.890.400.000 đồng (Bằng chữ: Mười bốn nghìn sáu trăm bảy mươi hai tỷ tám trăm chín mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Tổng chi phí: 6.487.962.900 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm đồng).
 - Phí Tư vấn phát hành trái phiếu: 4.401.867.120 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm linh một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi đồng).
 - Phí dịch vụ Đại lý phát hành Trái phiếu: 2.450.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).
 - Phí dịch vụ Đăng ký, Lưu ký Trái phiếu dự kiến: 258.425.780 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi đồng).
 - Phí Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu dự kiến: 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng).
 - Phí Tư vấn niêm yết: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng)
 - Lệ phí cấp phép chào bán Trái phiếu: 25.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng).
 - Phí chuyển tiền: 220.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi nghìn đồng).
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 14.666.402.437.100 đồng (Bằng chữ: Mười bốn nghìn sáu trăm sáu mươi sáu tỷ bốn trăm lẻ hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn một trăm đồng).

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

 

Chỉ tiêu	Trước đợt chào bán (cuối ngày 09/07/2027)	Sau đợt chào bán (cuối ngày 31/07/2026)
1. Tổng nợ (triệu đồng)	2.632.605.086	2.698.907.708
- Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	1.168.958.615	1.193.453.719
- Nợ dài hạn (triệu đồng)	1.463.646.471	1.505.453.989
- Trái phiếu chưa đáo hạn (triệu đồng)	67.911.204	82.584.094
2. Tổng vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	135.053.627	138.885.338
3. Tỷ lệ nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	19,49	19,43

VI. Tài liệu gửi kèm

Giấy xác nhận số 1678/GXN-BIDV.HTH ngày 31/07/2026 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, nơi Agribank mở tài khoản phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng thành viên (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VP, KDVTT. (15) *[Signature]*

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *[Signature]*



ĐOÀN NGỌC LƯU



Số: ~~46.78~~ /GXN-BIDV.HTH

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành) xác nhận như sau:

1. Thông tin khách hàng

- Tên chủ tài khoản: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**
- Địa chỉ: **Số 2 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội**
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: **0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024.**
- Giấy phép thành lập số: **24/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/5/2021 và các lần sửa đổi, bổ sung.**
- Số tài khoản phong tỏa nhận tiền đặt mua trái phiếu: **1220983668**
- Mở tại: **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành**

2. Số tiền phong tỏa và điều kiện giải tỏa

BIDV Hà Thành xác nhận số tiền trên tài khoản số **1220983668** của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam mở tại BIDV Hà Thành cụ thể như sau:

- Số dư tài khoản trước khi nhận tiền mua trái phiếu (tại thời điểm 09/07/2026): **902.701.550 VND** (Bằng chữ: *Chín trăm linh hai triệu bảy trăm linh một nghìn năm trăm năm mươi đồng*).
- Số tiền lãi phát sinh trong kỳ (Tại thời điểm 25/07/2026): **506.550 VND**
- Tổng số tiền khách hàng mua trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2026 nộp vào tài khoản: **14.674.040.400.000 VND** (Bằng chữ: *Mười bốn nghìn sáu trăm bảy mươi tư tỷ không trăm bốn mươi triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn*).
- Tổng số dư tài khoản cuối đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2026 (Tại thời điểm 23h00 ngày 31/07/2026): **14.674.943.608.100 VND** (Bằng chữ: *Mười bốn nghìn sáu trăm bảy mươi tư tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm linh tám nghìn một trăm đồng*).

Toàn bộ số tiền: **14.674.943.608.100 VND** (Bằng chữ: *Mười bốn nghìn sáu trăm bảy mươi tư tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm linh tám nghìn một trăm đồng*) đang được phong tỏa tại BIDV Hà Thành và chỉ thực hiện giải tỏa khi BIDV Hà Thành nhận được đồng thời các tài liệu sau đây:

- Thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Chỉ thị bằng văn bản của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đề nghị BIDV Hà Thành giải tỏa tài khoản.

Giấy xác nhận được lập thành 05 bản: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam giữ 03 bản, 01 bản nộp UBCKNN, BIDV Hà Thành giữ 01 bản.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mỹ Linh

Hanoi, July 31, 2026

LETTER OF CONFIRMATION

To: State Securities Commission of Vietnam

Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
– Ha Thanh Branch ("BIDV Ha Thanh") hereby confirms the following:

1. Customer Information

- Account Holder:	Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank)
- Address:	No. 2 Lang Ha Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam.
- Business Registration Certificate No.:	0100686174, initially issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on 26 February 2004, with the 15th amendment registered on 11 January 2024.
- Establishment and Operation Licence No.:	24/GP-NHNN, issued by the State Bank of Vietnam on 26 May 2021, as amended and supplemented from time to time.
- Escrow Account for Bond Subscription Proceeds:	1220983668
- Held at:	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch.

2. Escrow Account Balance and Conditions for Release of Funds

BIDV Ha Thanh confirms that the balance of Escrow Account No. **1220983668** opened by Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank) at BIDV Ha Thanh is as follows:

ah2

- Opening balance prior to the receipt of bond subscription proceeds (as of 09 July 2026): **VND 902,701,550** *(In words: Nine hundred two million seven hundred one thousand five hundred fifty Vietnamese dong.)*

- Interest accrued during the period (as of 25 July 2026): **VND 506,550**

- Bond subscription proceeds received from Customers under Agribank's public bond offering in 2026: **VND 14,674,040,400,000** *(In words: Fourteen trillion six hundred seventy-four billion forty million four hundred thousand Vietnamese dong).*

- Closing balance of the escrow account upon completion of Agribank's public bond offering in 2026 (as of 23:00 on 31 July 2026): **VND 14,674,943,608,100** *(In words: Fourteen trillion six hundred seventy-four billion nine hundred forty-three million six hundred eight thousand one hundred Vietnamese dong.)*

Accordingly, the total amount of **VND 14,674,943,608,100** *(In words: Fourteen trillion six hundred seventy-four billion nine hundred forty-three million six hundred eight thousand one hundred Vietnamese dong)* is currently held in the escrow account at BIDV Ha Thanh and shall only be released upon BIDV Ha Thanh's receipt of all of the following documents:

- A notice by the State Securities Commission of Vietnam confirming that it has received the Report on Results of the Bond Public Offering.

- A written instruction from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank) requesting BIDV Ha Thanh to release the funds on the escrow account.

This Letter of Confirmation is executed in 05 originals, out of which: 03 originals kept by Agribank, 01 original submitted to the State Securities Commission of Vietnam, 01 original kept by BIDV Ha Thanh.

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT
AND DEVELOPMENT OF VIETNAM

HA THANH BRANCH

(Signed and sealed)

Deputy Director

Lê Mỹ Linh



Hanoi, August 4, 2026

REPORT

On results of the public bond offering

(Under the Certificate of Registration of the Public Bond Offering No. 299/GCN-UBCK issued by the Chairperson of the State Securities Commission of Vietnam on 25 June 2026)

To: State Securities Commission of Vietnam

I. Introduction of the Issuer

1. Full Name of the Issuer: Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development

2. Abbreviated name: Agribank

3. Head Office's address: No. 02 Lang Ha Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam.

4. Telephone No.: (024) 3772 2773

Fax No.: (024) 3831 4069

Website: www.agribank.com.vn

5. Charter Capital: VND 51,638,603 million *(In words: Fifty-one million six hundred thirty-eight thousand six hundred three million Vietnamese dong) (as of 30 June 2026 under the reviewed consolidated financial statements for the first half of 2026).*

6. Stock Code (if any): None

7. Bank holding the payment account: State Bank of Vietnam – Transaction Centre - Account No.: 153184

8. Business Registration Certificate No. 0100686174, initially issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on 26 February 2004, with the 15th amendment registered on 11 January 2024.

- Primary business lines:

No.	Business Lines
1	Receiving demand deposits, time deposits, savings and other forms of deposits.
2	Providing credit facilities, including: a) Lending; b) Discounting and rediscounting negotiable instruments and other valuable papers; c) Issuing bank guarantees.

2/2

	d) Issuing credit cards; e) Domestic factoring.
3	Opening accounts for customers
4	Providing domestic payment services, including: a) Providing payment instruments; b) Providing payment services by cheques, payment orders, payment authorizations, collection orders, collection authorizations, letters of credit, bank cards, collection and payment services.
5	Opening accounts: a) At the State Bank of Vietnam; b) At other credit institutions and foreign bank branches.
6	Organizing internal payment services and participating in the national interbank payment system.
7	Providing cash management services, banking and financial advisory services; asset management, custody services, and security cabinets and safety boxes for lease.
8	Providing corporate finance advisory services; advisory services on acquisitions, mergers and consolidation of enterprises; and investment advisory services.
9	Participating in bidding for, purchase and sale of Treasury bills, negotiable instruments, Government bonds, State Bank bills and other valuable papers in the money market.
10	Purchasing and selling Government bonds and corporate bonds.
11	Money brokerage services.
12	Issuing certificates of deposit, promissory notes, bills and bonds for capital mobilization in accordance with the Law on Credit Institutions, the Law on Securities, regulations issued by Government and guidance issued by the State Bank of Vietnam.
13	Borrowing from the State Bank of Vietnam in form of refinancing facilities in accordance with the Law on the State Bank of Vietnam and guidance issued by the State Bank of Vietnam.
14	Borrowing, lending, placing deposits and receiving deposits with credit institutions, foreign bank branches, and domestic and foreign financial institutions in accordance with applicable laws and regulations and guidance issued by the State Bank of Vietnam.

15	Contributing capital to and acquiring shares in accordance with applicable laws and regulations and guidance issued by the State Bank of Vietnam.
16	Acting as a trustee, trustee and agent in fields relating to banking operations, insurance business and asset management in accordance with applicable laws and regulations and guidance issued by the State Bank of Vietnam.
17	Trading and providing foreign exchange services in domestic and international markets within the scope permitted by the State Bank of Vietnam.
18	Securities depository services.
19	Purchasing and selling gold bars.
20	Acquiring debts.

- Primary products and services:

+ Products and services for individual customers: deposit products; credit products; payment services; electronic banking services; card services; services of remitting and receiving foreign currencies; bancassurance and securities-linked products and services; and other products and services.

+ Products and services for corporate customers: deposit products; corporate credit products; domestic payment services; international payment and trade finance services; foreign exchange trading; bank card service; electronic banking services; treasury and cash management services; and other products and services.

9. Establishment and Operation Licence No. 24/GP-NHNN, issued by the State Bank of Vietnam on 26 May 2021; Decision No. 651/QD-TTGSNH1 dated 04 October 2024 issued by the State Bank of Vietnam regarding the amendment to the Establishment and Operation Licence of Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development; and Decision No. 1756/QD-QLGS2 dated 25 July 2025 issued by the State Bank of Vietnam regarding the amendment and supplement to the contents of the Establishment and Operation Licence of Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development.

II. Bond offering plan

1. Bond name: Agribank's public issuing bonds in 2026

2. Bond type: The bonds are non-convertible and are not secured by any assets of Agribank, without warrants, and satisfy the conditions to be included in Tier 2 capital in accordance with the applicable laws.

3. Bond code: AGRIBANK263601

4. Bond par value: VND 100,000 (One hundred thousand Vietnamese dong/bond).

5. Total volume of bonds offered: 150,000,000 bonds (One hundred and fifty million bonds).

6. Total value of offered bonds (at par value): VND 15,000,000,000,000 (Fifteen trillion Vietnamese dong).

7. Offering price: VND 100,000/bond (One hundred thousand Vietnamese dong/bond).

8. Interest rate: a floating interest rate that is expressed as an annual percentage rate (% p.a.) and determined in accordance with the following formula:
Bond interest rate = Reference Interest Rate + Margin

Where:

+ Reference Interest Rate means the interest rate used to determine the interest rate for each interest period, equal to the average of the 12-month savings deposit interest rates in VND, with interest payable at maturity (or the interest rate of an equivalent tenor), publicly announced on the official websites of the following four (04) commercial banks on the interest rate Determination Date: BIDV, VietinBank, Agribank, and Vietcombank. For clarification, the bond interest rate, if not an integer, shall be rounded to two (02) decimal places.

+ Margin: 2.0% per annum.

+ If Agribank does not repurchase on the Repurchase right execution Date, the applicable margin shall be increased to 2.5% per annum for the final five (05) years of the Bond tenor.

+ **Interest Rate Determination Date:** means the date on which Agribank issues Public Offering Notice for the first interest period, and the seventh (7th) Business Day prior to the interest calculation start date of each subsequent interest period.

9. Bond tenor: 10 years (with the maturity date falling on the date marking the tenth (10th) anniversary of the Issue Date).

10. Interest payment: The bond interest shall be paid in arrears, once every one (01) year on the **Interest Payment Date** which is every exact year from the Issue Date until the Maturity Date of the bonds. The final interest payment for the bonds shall be made together with payment of the principal amount on the Maturity Date. Where the Issuer exercises its repurchase right on the Repurchase right execution date, the final interest payment shall be paid together with the principal amount on the Repurchase right execution date.

11. Distribution method: The Bonds shall be distributed directly to customers through Agribank's Head Office, branches and transaction offices nationwide, and through the Issuing Agent-Agribank Securities Joint Stock Corporation (Agriseco).



12. Timeline for receiving bond purchase subscription and payments: From 10 July 2026 to 31 July 2026.

13. Closing date of the public offering: 31 July 2026.

14. Expected date of bond delivery: No later than thirty (30) days from the closing date of the Public Offering, customers shall receive the Certificate of Bond Ownership at the location where they registered to purchase and made payments for the Bonds.

III. Results of the public bond offering

Customers	Offering Price (VND/Bond)	Volume of Bonds Offered	Volume of Bonds Registered to purchase	Volume of Bonds to be Distributed	Number of Customers Registered to purchase	Number of customers allocated bonds	Number of Customers Not Allocated Bonds	Unsold Bonds	Distribution Ratio
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
1. Domestic customers	100,000	150,000,000	146,644,504	146,644,504	42,562	42,562	0	3,271,096	97.76%
2. Foreign customers and economic organizations in which foreign investors hold more than 50% of the charter capital			84,400	84,400	14	14	0		0.06%
Total	100,000	150,000,000	146,728,904	146,728,904	42,576	42,576	0	3,271,096	97.82%

Notes: TP: Bonds, NDT: customers, TCKT: Economic Organizations, VDL: Charter Capital.

IV. Summary of the results of the public bond offering

1. Total volume of bonds successfully distributed: 146,728,904 bonds, representing 97.82% of the total volume of bonds offered.

2. Total proceeds from the public offering: VND 14,672,890,400,000 (*In words: Fourteen trillion six hundred seventy-two billion eight hundred ninety million four hundred thousand Vietnamese dong*).

3. Total expenses: VND 6,487,962,900 (*In words: Six billion four hundred eighty-seven million nine hundred sixty-two thousand nine hundred Vietnamese dong*).

- Advisory Fee on Bond issuance: VND 4,401,867,120 (*In words: Four billion four hundred one million eight hundred sixty-seven thousand one hundred twenty Vietnamese dong*).

- Bond Issuing Agent Fee: VND 2,450,000 (*In words: Two million four hundred fifty thousand Vietnamese dong*).
- Estimated Bond Registration and Depository Fee: VND 258,425,780 (*In words: Two hundred fifty-eight million four hundred twenty-five thousand seven hundred eighty Vietnamese dong*).
- Estimated Bondholders' Representative Fee: VND 1,500,000,000 (*In words: One billion five hundred million Vietnamese dong*).
- Listing Advisory Fee: VND 300,000,000 (*In words: Three hundred million Vietnamese dong*).
- Granting Fee for Public Offering: VND 25,000,000 (*In words: Twenty-five million Vietnamese dong*).
- Fund Transfer Fee: VND 220,000 (*In words: Two hundred twenty thousand Vietnamese dong*).

4. Net proceeds from the public offering: VND 14,666,402,437,100 (*In words: Fourteen trillion six hundred sixty-six billion four hundred two million four hundred thirty-seven thousand one hundred Vietnamese dong*).

V. Capital structure of the issuer after the public offering

Item	Before the Public Offering (as of 09 July 2026)	After the Public Offering (as of 31 July 2026)
1. Total liabilities (VND million)	2,632,605,086	2,698,907,708
Short-term liabilities (VND million)	1,168,958,615	1,193,453,719
Long-term liabilities (VND million)	1,463,646,471	1,505,453,989
Outstanding bonds (VND million)	67,911,204	82,584,094
2. Total equity (VND million)	135,053,627	138,885,338
3. Debt-to-equity ratio (times)	19.49	19.43

VI. Supporting documents

Letter of confirmation No. 1678/GXN-BIDV.HTH dated 31 July 2026 issued by the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch, where Agribank of maintains the escrow account for the proceeds from the Public Offering.

Distribution:

- As stated above;
- Board of Directors (for reporting);
- General Director (for reporting);
- Board of Supervisors;;
- Archived: Administrative Office, Treasury & Money Market Trading Center.

**P.P. THE LEGAL REPRESENTATIVE
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**

(Signed and sealed)



DOAN NGOC LUU